

Thiết kế dự án hiệu quả: Phân tích Tranh luận

Lý lẽ rõ ràng

Các em học sinh trưởng thành có thể học các loại luận chứng chính thống và có kết cấu. Những học sinh nhỏ tuổi hơn có thể so sánh loại lý lẽ này bằng cách tư duy cẩn trọng về những nguyên nhân cho quan điểm của mình. Giáo viên dạy bậc tiểu học có thể khuyến khích các em nhận biết nguồn gốc của quan điểm và đánh giá độ tin cậy của chúng. Khi học sinh lên cấp hai, các em có thể bắt đầu hiểu những thuật ngữ và cấu trúc của luận chứng chính thống. Nhà triết học Stephen Toulmin cho rằng các luận chứng thuyết phục bao gồm ít nhất ba thành phần cấu thành: khẳng định, chứng cứ và chứng thực.

Khẳng định

Một khẳng định là một lời tuyên bố lập trường mà chúng ta muốn thuyết phục người khác tin vào. Một số ví dụ về khẳng định:

- Abraham Lincoln quan tâm hơn đến việc bảo vệ liên bang hơn là giải phóng nô lệ.
- Việc đốn gỗ trong rừng nguyên sinh nên bị cấm.
- Các bộ luật nên cấm nhân bản vô tính con người.
- Willy Lowman, trong vở kịch của Arthur Miller, *cái chết của vị thương nhân*, là nhân vật trong vở bi kịch vĩ đại nhất văn học Mỹ thế kỉ 20.

Khẳng định có nhiều tên gọi khác nhau trong các ngữ cảnh khác nhau. Chúng có thể được gọi là giả thuyết, phán đoán, dự đoán, lập trường, định đề và giả định.

Chứng cứ

Còn được gọi là ví dụ, sự thật, sự quan sát hay dữ liệu, chứng cứ bao gồm các lý lẽ thuyết phục một người nào đó tin vào khẳng định của chúng ta. Chất lượng của chứng cứ có thể được xem xét thông qua việc đặt câu hỏi về độ đầy đủ, độ tin cậy và độ chính xác.

- Có đủ chứng cứ để hỗ trợ cho khẳng định không?
- Chứng cứ có được đưa ra bởi căn cứ không thiên vị không?
- Chứng cứ có thật không và chứng cứ đó có thể được kiểm định lại từ nhiều nguồn không?

Chứng cứ có thể được định lượng bằng những con số và thống kê, hay định tính bằng cách mô tả và đưa ra những dữ kiện. Liệu chứng cứ thuộc số học hay mang tính giai thoại, nó nên phản ánh bằng phân tích mang tính hệ thống về một con số trong nhiều trường hợp và không bị cô lập bởi số liệu thống kê và ví dụ.

Chứng thực

Chứng thực trả lời câu hỏi: "Tại sao chứng cứ này có nghĩa là ai đó nên chấp nhận khẳng định của tôi?" Chứng thực một lý lẽ thường được diễn đạt ẩn và có thể phụ thuộc vào văn hóa và kinh nghiệm của người nghe. Chẳng hạn, nếu một người biện luận rằng đốn cây trong rừng nguyên sinh nên bị cấm, chứng cứ cho khẳng định này nên cho thấy việc hàng năm chúng ta đang mất đi hàng triệu hecta rừng. Chứng thực cho chứng cứ này là liệu cây lâu năm có sinh lợi và việc chặt rừng phá đi rất nhiều cây cổ thụ, vì vậy việc này nên bị cấm.

Biện luận rõ ràng và hiệu quả là kĩ năng quan trọng mà học sinh phải đạt được. *Công cụ thể hiện chứng cứ* [Tiếng Anh](#) cho phép học sinh thực hành việc định hình và bảo vệ lý lẽ.